

NGHIÊN CỨU ĐIỂN CỬU VỀ PHÂN TÍCH HÀM Ý CỦA TRUYỆN CƯỜI

LƯƠNG THỊ MINH PHƯƠNG *

Tóm tắt: Yếu tố hài hước trong các cuộc trò chuyện hoặc trong các tác phẩm văn học - nghệ thuật luôn là một thứ gia vị hấp dẫn trong cuộc sống nhằm giảm bớt sự căng thẳng và tạo nên bầu không khí thoải mái, thư giãn. Ngoài ra, những câu chuyện cười bằng tiếng Anh còn khuyến khích người học tiếng Anh như ngôn ngữ thứ 2 yêu thích việc học tiếng Anh cũng như cải thiện kỹ năng đọc của mình. Bài viết tập trung vào việc phân tích hàm ý trong bốn truyện cười trên trang web www.tienganh123.com dựa vào thuyết hàm ý và nguyên tắc hợp tác của Grice trong văn bản viết. Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích tài liệu, phân loại ngữ liệu thu thập được và chứng minh việc sử dụng hàm ý trong các câu chuyện cười. Kết quả nghiên cứu cho thấy loại hàm ý chính trong truyện cười được nghiên cứu là hàm ý hội thoại và nghiên cứu khẳng định hàm ý là một trong những yếu tố gây ra tiếng cười trong truyện cười.

Từ khóa: Hàm ý, hàm ý hội thoại, sự hài hước, lý thuyết của Grice, truyện cười.

Abstracts: Humour in conversations or in literary and artistic works is always an attractive spice in life to reduce stress and create a comfortable and relaxing atmosphere. In addition, jokes in English also encourage learners of English as a second language to love learning English as well as improve their reading skills. The article focuses on analyzing implicatures in four jokes on the website www.tienganh123.com based on Grice's theory of implicatures and principle of cooperation in written text. The research uses document analysis methods, classifying collected

data and demonstrating the use of connotations in jokes. Research results show that the main type of implicatures in the jokes studied is conversational implicatures and the study confirms that implicature is one of the factors that creates humour in jokes.

Keywords: Implicatures, conversational implicatures, humour, Grice's theory, jokes.

1. Giới thiệu

Không thể phủ nhận rằng sự hài hước luôn là đặc điểm chung của hầu hết mọi người. Yếu tố hài hước thường được sử dụng và dễ dàng nhận ra trong các cuộc trò chuyện hàng ngày hoặc trong các vở opera nhẹ nhàng, nơi mọi người có xu hướng sử dụng những câu (hoặc cách nói) hài hước trong cuộc nói chuyện của mình để giảm bớt căng thẳng và tạo bầu không khí thoải mái. Tục ngữ Việt Nam có câu “Một nụ cười bằng mười thang thuốc bổ” hay “Tiếng cười là liều thuốc bổ”, tiếng cười cũng được coi là liều thuốc giảm đau cho sức khỏe tinh thần và thể chất. Ngoài ra, Sidis [10, tr.145] còn tuyên bố rằng: “tiếng cười là khởi đầu của tình yêu” và rằng “chúng ta cười khi hết ghét”; hay theo

* ThS - Trường Đại học Thương mại; Email: phuong.ltm@tmu.edu.vn

Leacock [5, tr.19], “sự hài hước,... sở hữu yếu tố nhân hậu, là thành phần thiết yếu nhất của nó, có thể dùng để minh họa một cách hiệu quả”. Vì vậy, tiếng cười hay những câu chuyện cười không chỉ là gia vị trong giao tiếp mà còn là nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ.

Nhìn kỹ vào đời sống văn hóa tinh thần của mỗi dân tộc, có thể dễ dàng nhận thấy truyện cười là một thứ không thể thiếu, một tài sản quý giá, có vai trò quan trọng trong các cuộc trò chuyện hàng ngày hay thậm chí trong việc đánh giá xem một người có khiếu hài hước hay không. Những câu chuyện cười, những câu chuyện hài hước ngắn gọn rất có lợi cho việc thư giãn, giải trí của con người. Ngoài ra, những câu chuyện cười bằng tiếng Anh còn khuyến khích người học tiếng Anh như ngôn ngữ thứ 2 (ESL - English as a Second Language) yêu thích việc học tiếng Anh cũng như cải thiện kỹ năng đọc của mình. Hàm ý là một trong những cơ chế hài hước (Raskin [8]), do đó, việc phân tích hàm ý trong truyện cười tiếng Anh giúp người học ESL hiểu được tính hài hước của truyện cười và làm quen với phong tục, truyền thống của người Anh.

Mục tiêu của nghiên cứu là tìm ra những hàm ý được sử dụng trong các câu chuyện cười trên trang giải trí của một website học tiếng Anh www.tienganh123.com [11] và phân tích những hàm ý đó. Nghiên cứu tập trung phân tích hàm ý trong một số câu nói trong truyện cười, trong đó sử dụng lý thuyết hàm ý và nguyên tắc hợp tác của Grice. Nghiên cứu này được kỳ vọng sẽ cung cấp những tài liệu tham khảo và đóng góp cho lĩnh vực nghiên cứu ngữ nghĩa học và ngữ dụng học, đặc biệt là phát triển và phân tích lý thuyết hàm ý và nguyên tắc hợp tác của Grice

trong văn bản viết. Kết quả của nghiên cứu nói chung được kỳ vọng sẽ có thể có những đóng góp có giá trị cả về mặt lý thuyết và thực tiễn.

2. Cơ sở lý luận

2.1. Truyện cười

Hài hước là điều xảy ra hàng ngày trong cuộc sống của chúng ta. Chúng ta đọc những câu chuyện hài hước trên báo, đùa giỡn với bạn bè và cười nhạo những tình huống tưởng chừng như vô lý mà chúng ta gặp phải. Truyện cười là một phần không thể thiếu trong mỗi xã hội loài người. Chúng là phương tiện cơ bản của sự tương tác xã hội. Mọi người sử dụng sự hài hước để đối phó với những tình huống không quen thuộc hoặc khó chịu, xây dựng kết nối xã hội và cải thiện sự tự tin và thoải mái của họ khi giao tiếp với người khác (Nezlek [6]). Sự hài hước giúp chúng ta tương tác tốt hơn với mọi người và cảm thấy thoải mái với chính mình.

Truyện cười cho phép chúng ta “không cảnh giác”, sử dụng khuôn khổ nhận thức chung (hài hước thông qua sự phi lý) để thu hẹp mọi khoảng cách xã hội có thể tồn tại và hình thành các mối liên kết xã hội dễ dàng hơn.

Bất chấp bản chất cơ bản của sự hài hước trong ngôn ngữ và văn hóa con người, những phân tích về sự hài hước vẫn phức tạp. Mặc dù sự hài hước xuất hiện ở mọi nền văn hóa nhưng nó không hề đồng nhất giữa các nền văn hóa. Các nền văn hóa khác nhau cũng phát triển những hình thức hài hước độc đáo và đa dạng mà những người bên ngoài nhóm đó không thể hiểu được. Cách sử dụng và hiểu biết hài hước cũng thay đổi rất nhiều tùy vào độ tuổi của người nghe. Một số truyện cười được xếp

vào nhóm “vị thành niên”, “cơ bản” hoặc “đơn giản”. Khi con người lớn lên, họ hiểu được sự hài hước phức tạp hơn, nhưng sở thích hài hước của họ lại rất khác nhau; không có câu nói “buồn cười” khách quan nào chính xác bởi vì sự hài hước là một chủ đề mang tính chủ quan và cá nhân. Vừa khó khăn vừa sơ đẳng, hài hước là một lĩnh vực nghiên cứu sẽ mất nhiều thời gian để khám phá, nhưng việc khám phá này xứng đáng với nỗ lực và đầu tư thời gian. Mỗi khám phá như vậy có thể mang lại những hiểu biết sâu sắc về nhận thức của con người và cùng với các nghiên cứu về xã hội học và tâm lý học, có thể tiết lộ chính xác lý do tại sao chúng ta coi sự hài hước lại rất cơ bản đối với xã hội.

Từ quan điểm ngôn ngữ học, nghiên cứu sự hài hước mang đến cơ hội nâng cao hiểu biết của chúng ta về các hiện tượng ngữ nghĩa và các quá trình nhận thức giải thích ý nghĩa. Lý thuyết về sự không phù hợp nằm ở cách giải quyết nhận thức của một phát ngôn có vẻ như không thể giải quyết được. Cơ chế ngữ nghĩa dẫn đến những phát ngôn được coi là hài hước cũng có thể được mô hình hóa để xác định mức độ phản ứng của một người đối với một trò đùa. Điều này sẽ mang lại một mô hình ngữ nghĩa giải thích đầy đủ hơn về hiện tượng hài hước và sẽ cải thiện hơn nữa khả năng của chúng ta trong việc hiểu hiện tượng độc đáo và phổ biến này.

2.2. *Thuyết phi lý*

Vào những năm 1970, các nhà ngôn ngữ học (đặc biệt là các nhà ngôn ngữ học tri nhận) bắt đầu hình thức hóa ý tưởng triết học của Kant [4] về những ý nghĩa mâu thuẫn khiến một phát biểu bị coi là buồn cười. Các nhà ngôn ngữ học bắt đầu trình bày chi tiết các cơ chế hợp lý có thể khiến

những phát biểu không phù hợp bị coi là buồn cười.

“Tiếng cười phát sinh từ quan điểm về hai hoặc nhiều bộ phận hoặc hoàn cảnh không nhất quán, không phù hợp hoặc không phù hợp, được coi là thống nhất trong một đối tượng hoặc tập hợp phức tạp, hoặc như có được một loại quan hệ hỗ tương từ cách thức đặc biệt mà tâm trí chú ý đến chúng” (Beattie (trích theo Raskin [8])).

“Nguyên nhân của tiếng cười trong mọi trường hợp chỉ đơn giản là sự nhận thức đột ngột về sự không phù hợp giữa một khái niệm và các đối tượng thực tế đã được suy nghĩ qua nó trong một mối quan hệ nào đó, và bản thân tiếng cười chỉ là biểu hiện của sự không phù hợp này” (Schopenhauer [9])

2.3. *Lý thuyết về hàm ý của Grice*

Hàm ý có thể được định nghĩa là sự khác biệt giữa ý nghĩa của các từ trong cách phát âm theo các quy tắc ngữ nghĩa, ngữ pháp và ý nghĩa dự định của người nói.

Grice [3] đã phân biệt giữa điều được nói và điều được ngụ ý. Những gì đang được liên quan có thể là thông thường và mang tính đàm thoại. Hàm ý thông thường được tạo ra bởi một số cách diễn đạt ngôn ngữ, chẳng hạn như “nhưng” và “hơn nữa”, trong khi hàm ý hội thoại phụ thuộc vào giả định của người nói tuân theo những nguyên tắc hợp lý nhất định của trao đổi hội thoại. Những nguyên tắc trao đổi hội thoại đó được sử dụng làm hướng dẫn cho việc sử dụng ngôn ngữ hiệu quả và hiệu quả trong hội thoại. Mặc dù không nhằm mục đích nghiên cứu tính hài hước, nhưng nghiên cứu về tính thực dụng của Grice đóng vai trò là nền tảng tốt và sớm giải thích lý thuyết ngữ nghĩa chung về sự không nhất quán. Grice đã phát triển ý tưởng về nguyên

tắc hợp tác, một tập hợp các giả định của bất kỳ người nghe nào trong cuộc trò chuyện về loại quy tắc thông thường mà họ có thể mong đợi người nói tuân theo. Những quy tắc hay còn gọi là cách ngôn này cho phép thực hiện những gì được gọi là lời nói chân thật, lời nói mà cả người nghe và người nói đều mong đợi những cách ngôn này được tuân theo. Nguyên tắc hợp tác được chia thành bốn cách ngôn:

(1) Cách ngôn về số lượng

Đóng góp của bạn với đầy đủ thông tin theo yêu cầu (cho mục đích trao đổi hiện tại).

Đừng làm cho phần đóng góp của bạn có nhiều thông tin hơn mức cần thiết.

(2) Cách ngôn về chất lượng

Siêu cách ngôn: Hãy cố gắng đưa ra đóng góp của bạn trở thành sự thật.

Đừng nói những gì bạn cho là sai.

Đừng nói điều mà bạn không có bằng chứng.

(3) Cách ngôn của mối quan hệ: Phù hợp.

(4) Cách ngôn về cách cư xử

Siêu cách ngôn: Hãy sáng suốt

Tránh sự tối nghĩa trong cách diễn đạt.

Tránh sự mơ hồ.

Ngắn gọn (tránh dài dòng không cần thiết).

Có trật tự.

Lý thuyết về hàm ý của Grice rất hữu ích trong việc kiểm tra tính hài hước và cung cấp cơ sở cho lý thuyết về sự phi lý về ngữ nghĩa hiện đại. Nhiều truyện cười dựa vào việc người nghe mong đợi người nói tuân theo các quy tắc của Grice và do đó, đã thất bại trong việc khiến người nghe truyện bật cười. Trong suốt quá trình “thiết lập” câu chuyện cười, người nghe sẽ điền vào bất kỳ thông tin không rõ ràng nào mà họ có thể thông qua

hàm ý. Chỉ với một vài từ ngắn gọn, điểm nút của truyện cười (punch line) cho thấy rằng thực tế là người kể đã sử dụng câu nói vi phạm một trong các quy tắc về cách ngôn của Grice nhằm mục đích gây cười.

2.4. Các nghiên cứu trước đây

Novitaningtyas, Savitri [7] đã có bài viết “An Implicature Analysis on “The Funniest Joke in the World”” (Phân tích hàm ý về “Truyện cười hài hước nhất thế giới”) trên Tạp chí *Reader's Digest* tập trung vào việc phân tích các câu chuyện cười bằng cách sử dụng lý thuyết hàm ý và các nguyên tắc hợp tác của Grice. Nghiên cứu phát hiện ra rằng hàm ý được sử dụng trong “Truyện cười hài hước nhất thế giới” trên tờ *Reader's Digest* có thể được phân loại thành hàm ý thông thường và hàm ý hội thoại. Hàm ý hội thoại được chia thành hàm ý hội thoại chung và hàm ý hội thoại cụ thể. Ngoài ra, hàm ý thông thường được sử dụng khi người viết truyện cười sử dụng cách nói thông thường để diễn đạt ý nghĩa đằng sau lời nói đó.

Hàm ý hội thoại tổng quát được sử dụng khi người viết làm cho lời nói không có ngữ cảnh. Người đọc có thể đoán ý nghĩa đằng sau lời nói bằng kiến thức chung của họ và không cần phải tham khảo hàm ý hội thoại cụ thể được sử dụng khi người viết làm cho lời nói có tính ràng buộc về ngữ cảnh. Ý nghĩa đằng sau lời nói phụ thuộc vào ngữ cảnh và người đọc phải suy ra ngữ cảnh đặc biệt và không thể hiểu được hàm ý nếu không đọc toàn bộ câu chuyện cười. Từ những phát hiện đó, người viết truyện cười thường tuân theo các châm ngôn về số lượng, chất lượng, quan hệ và thể thức. Tuy nhiên, người viết có một số câu nói vi phạm châm ngôn nhằm tạo hiệu ứng hài hước trong truyện cười. Việc vi phạm châm ngôn khiến câu chuyện cười trở nên hài hước hơn

và khơi dậy sự tò mò của người đọc để hiểu ý nghĩa đằng sau câu nói.

Một nghiên cứu khác về hàm ý hội thoại trong hội thoại thường ngày qua hai tập phim *Desperate Housewives* (*Những bà nội trợ tuyệt vọng*) được Budianto [1] thực hiện vào năm 2006. Sau quá trình thu thập và phân tích dữ liệu, kết quả nghiên cứu bao gồm phát ngôn hàm ý sử dụng lý thuyết hàm ý, bối cảnh tình huống của những phát ngôn đó, ý nghĩa ngụ ý của những phát ngôn hàm ý sử dụng khái niệm giá trị chân lý làm thực tế và sau đó là phát ngôn với những hàm ý, trong đó mục đích là giữ thể diện cho người nghe, thường được người nói sử dụng.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Thiết kế nghiên cứu

Để phân tích hàm ý trong truyện cười, người ta áp dụng thiết kế định tính mang tính mô tả. Loại này, nhà nghiên cứu mô tả các nguồn dữ liệu không có số liệu hoặc dữ liệu thống kê. Ngoài ra, dữ liệu được mô tả bằng cách sử dụng lý thuyết về hàm ý và nguyên tắc hợp tác của Grice để tìm ra và mô tả hàm ý nào được sử dụng trong các câu chuyện cười.

3.2. Thu thập dữ liệu

Trong nghiên cứu này, người nghiên cứu sử dụng phân tích tài liệu như một phương pháp thu thập dữ liệu thực nghiệm (Denzin và Lincoln [2, tr.4]). Khi thu thập dữ liệu, người nghiên cứu tìm ra bốn truyện cười. Ngữ liệu sau đó được phân loại để tìm ra lời nói nào chứa ẩn ý. Người nghiên cứu gạch chân những phát ngôn có vẻ quan trọng và khoanh tròn những từ và cụm từ quan trọng.

3.3. Phân tích dữ liệu

Sau khi thu thập dữ liệu, người nghiên cứu đã đọc và nghiên cứu tất cả các dữ liệu

thu thập được. Sau đó, người nghiên cứu đã thực hiện giảm dữ liệu. Giảm dữ liệu đề cập đến quá trình chọn tập trung đơn giản hóa, trừu tượng hóa và chuyển đổi dữ liệu xuất hiện trong ghi chú. Trong nghiên cứu này, nghiên cứu chỉ tập trung hoặc chú ý đến những câu chuyện cười (dữ liệu) chứa hàm ý. Dữ liệu thu thập được giải thích dựa trên ngữ cảnh. Sau đó, dữ liệu được giải thích, mô tả. Trong quá trình này, để phân tích dữ liệu, từ điển cũng được sử dụng để tìm ra ý nghĩa hợp lệ. Tiếp theo, người nghiên cứu phân tích và phân loại dữ liệu dựa trên lý thuyết hàm ý và nguyên tắc hợp tác của Grice để có được trả lời cho câu hỏi nghiên cứu.

4. Kết quả và thảo luận

Mười câu chuyện cười được chọn ngẫu nhiên từ website <http://www.tienganh123.com> [11] nhưng chỉ có bốn câu chuyện cười hàm ý. Trong nghiên cứu này, không có hàm ý thông thường và có bốn hàm ý hội thoại. Chi tiết dữ liệu được đưa ra dưới đây:

4.1. Truyện cười số 1

Conjugation

Another day in class, the teacher tells a student to conjugate the verb "to walk" in Present Simple tense. And the student starts saying, "I walk. You walk..."

Suddenly, the teacher interrupts him and says, "**Quicker! Please!**"

So the student says, "I run. You run. He runs. She runs..."

Dịch nghĩa:

Chia động từ

Một ngày khác trong lớp, giáo viên bảo một học sinh chia động từ "đi bộ" ở thì Hiện tại đơn. Và học sinh bắt đầu nói, "Tôi đi bộ. Bạn đi bộ..."

Đột nhiên, giáo viên ngắt lời cậu ấy và nói: **“Nhanh lên! Làm ơn!”**

Thế là học sinh nói, “Tôi chạy. Bạn chạy. Anh ấy chạy. Cô ấy chạy...”

Ngữ cảnh: Trong giờ học tiếng Anh, giáo viên dạy thì hiện tại đơn và yêu cầu họ chia động từ “đi bộ” ở thì này. Trong khi học sinh bắt đầu nói “Tôi đi bộ. Cậu đi...”, giáo viên ngắt lời cậu để yêu cầu cậu nói nhanh hơn. Tuy nhiên, học sinh này đã hiểu sai và chia động từ “chạy”.

Phân tích: Câu nói “nhanh hơn” được giáo viên nói ở trên là hàm ý hội thoại vì nó phụ thuộc vào ngữ cảnh. Người đọc chỉ có thể hiểu được hàm ý nếu họ biết ngữ cảnh khi lời nói diễn ra. Trong trường hợp này, lời nói xảy ra khi giáo viên muốn học sinh nói nhanh hơn. Về mặt hàm ý, cách phát âm của giáo viên vi phạm châm ngôn về lượng (cô chỉ nói “nhanh hơn” chứ không hề nói học sinh phải nói nhanh hơn) và vi phạm châm ngôn về cách thức (cách nói “nhanh hơn” khá mơ hồ đối với học sinh).

4.2. Truyện cười số 2

The true love of millionaire

Interviewer to Millionaire: “To whom do you owe your success as a millionaire?”

Millionaire: **“I owe everything to my wife.”**

Interviewer: “She must be a great woman. What were you before you married her?”

Millionaire: “A billionaire.”

Dịch nghĩa:

Tình yêu đích thực của triệu phú

Người phỏng vấn triệu phú: “Thành công của bạn là nhờ ai? nhà triệu phú?”

Triệu phú: **“Tôi nợ vợ tôi mọi thứ”**

Người phỏng vấn: “Cô ấy hẳn là một người phụ nữ tuyệt vời. Trước khi cưới cô ấy, bạn là ai?”

Triệu phú: “Một tỷ phú”.

Ngữ cảnh: Triệu phú đã trả lời các câu hỏi của người phỏng vấn về người mà ông đã nhờ họ mà trở thành triệu phú. Tuy nhiên, câu trả lời cho câu hỏi thứ hai khiến người phỏng vấn ngạc nhiên vì trước đây ông từng là tỷ phú.

Phân tích: Câu nói “Tôi nợ vợ mọi thứ” được triệu phú nói trong một cuộc phỏng vấn. Lời nói này mang tính hàm ý hội thoại vì nó thuộc một ngữ cảnh đặc biệt. Người đọc không thể suy ra cách nói mà không có ngữ cảnh. Trong câu nói này, nhà triệu phú đã dùng từ “nợ” để diễn tả những ý nghĩa trái ngược nhau. Từ “nợ” hàm ý vợ anh chính là người đưa anh thất bại trở thành triệu phú. Vì vậy, phát ngôn này coi thường châm ngôn về chất, tức là nói sự việc đó không đúng mà hàm ý một sự việc khác.

4.3. Truyện cười số 3

Kate: How about going out tonight?

Mary: **Oh! My parents are at home tonight.**

Dịch nghĩa:

Kate: Tối nay đi chơi thì sao?

Mary: **Ồ! Tối nay bố mẹ tớ ở nhà.**

Ngữ cảnh: Hai người bạn đang nói chuyện với nhau và dự định đi chơi tối hôm đó. Tuy nhiên, Mary từ chối đi với lý do bố mẹ cô đang ở nhà.

Phân tích: Câu nói “Tối nay bố mẹ tớ ở nhà” của Mary là một hàm ý đàm thoại gắn liền với ngữ cảnh. Lời nói giống như việc cô ấy không chịu đi ra ngoài. Cách nói này vi phạm phương châm quan hệ trong đó lời

nói của Mary không liên quan đến câu hỏi. Hơn nữa, cách phát ngôn này còn coi thường châm ngôn về số lượng. Cô chỉ cho biết thông tin tối hôm đó bố mẹ cô có ở nhà chứ không cho biết có ra ngoài hay không.

4.4. Truyện cười số 4

Superman

A concerned police officer approaching a boy crying in front of a newsstand.

“What’s wrong?” he asked.

“Superman isn’t out yet!”

“I handle it,” the cop assures him. “Hey, superman” he shouts. “Come on out, we won’t hurt you!”

Dịch nghĩa:

Siêu nhân

Một sĩ quan cảnh sát với vẻ quan tâm tiến lại chỗ cậu bé đang khóc trước quầy bán báo.

“Có chuyện gì vậy?” anh cảnh sát hỏi.

“Siêu nhân vẫn chưa ra!”

“Chú xử lý được việc đó,” cảnh sát đảm bảo với cậu bé. “Này, siêu nhân,” người cảnh sát hét lên. “Hãy ra đi, chúng tôi sẽ không làm anh bị thương!”

Ngữ cảnh: Một cậu bé đang khóc trước quầy báo. Sau đó, một cảnh sát hỏi cậu bé rằng tại sao cậu bé lại khóc. Cậu bé trả lời: “Siêu nhân vẫn chưa ra”. Cảnh sát trấn an cậu bé và hét lên yêu cầu siêu nhân ra khỏi nơi ẩn náu của anh ta.

Phân tích: Câu nói “Siêu nhân vẫn chưa ra” là một hàm ý hội thoại cụ thể vì nó phụ thuộc vào ngữ cảnh. Hàm ý này chỉ có thể được người đọc hiểu được nếu họ biết ngữ cảnh khi phát ngôn xảy ra. Trong trường hợp này, câu nói được cậu bé nói ra khi cậu

đang khóc trước sạp báo. Từ câu nói này và bối cảnh của nó, chúng ta có thể suy ra rằng cậu bé khóc vì tạp chí hoặc tờ báo có ẩn bản Siêu nhân chưa được xuất bản và cậu cảm thấy thất vọng. Ngoài ra, với bối cảnh “cậu bé khóc trước quầy bán báo”, chúng ta có thể suy ra rằng “Siêu nhân” trong câu nói này ám chỉ “tạp chí hoặc tờ báo có ẩn bản Siêu nhân” chứ không ám chỉ “Siêu nhân” thực sự”. Hàm ý này không thể tách rời khỏi bối cảnh của nó. Nếu cách nói này được nêu trong một bối cảnh khác, thì ý nghĩa của câu nói này của cậu bé sẽ có thể được hiểu theo cách khác (cách hiểu của viên cảnh sát). Trong ẩn ý này, lời nói của cậu bé tuân theo cách ngôn quan hệ vì cậu bé trả lời câu hỏi của người cảnh sát, nhưng lại vi phạm cách ngôn về chất (cậu bé không nói ra điều kiện thực sự là cậu khóc vì tạp chí/báo có ẩn bản Siêu nhân chưa được xuất bản), vi phạm cách ngôn về số lượng (thông tin “Siêu nhân chưa ra!” chứa ít thông tin, vì “Siêu nhân” ám chỉ “tạp chí/báo có ẩn bản Siêu nhân”), cũng vi phạm cách ngôn về cách thức (thông tin từ cậu bé chưa rõ ràng và có thể khiến người đọc hiểu lầm). Tuy nhiên, việc vi phạm các châm ngôn về số lượng, chất lượng và cách thức đã khiến câu chuyện trở nên buồn cười. Cảnh sát hiểu nhầm mục đích của cậu bé nên đã yêu cầu “Siêu nhân thực sự” bước ra khỏi nơi ẩn náu của mình.

5. Kết luận

Từ kết quả nghiên cứu, loại hàm ý chính trong truyện cười được nghiên cứu là hàm ý hội thoại và nghiên cứu khẳng định hàm ý là một trong những yếu tố gây ra tiếng cười trong truyện cười. Có ý kiến cho rằng người viết truyện cười hoặc bất kỳ tác phẩm nào nên cân nhắc sử dụng nhiều hàm ý hơn trong bài viết của mình. Việc sử dụng hàm

ý có thể làm cho trò đùa trở nên thú vị và hài hước hơn một cách hiệu quả. Việc sử dụng hàm ý còn khiến người đọc nóng lòng muốn tìm hiểu ý nghĩa thực sự của câu nói.

Bằng việc nghiên cứu hàm ý, người nghiên cứu hy vọng người đọc có thể dễ dàng hiểu được nội dung truyện cười. Việc bộc lộ thông điệp thực sự của hàm ý không thể thực hiện được nếu không có vai trò của bối cảnh tình huống. Từ đó, chúng ta có thể biết được bối cảnh của một cuộc trò chuyện, chẳng hạn như kiến thức nền tảng hoặc bản thân nền văn hóa, để có thể dễ dàng hiểu được hàm ý.

Do hạn chế về không gian và thời gian nên nghiên cứu chỉ được thực hiện nhằm đưa ra một số phân tích chỉ về bốn câu chuyện cười và chứng minh việc sử dụng hàm ý trong các câu chuyện cười.

Qua nghiên cứu này, tác giả mong rằng sẽ có những nghiên cứu sâu hơn có thể được thực hiện liên quan đến việc nghiên cứu các hàm ý được sử dụng trong các vật thể khác, chẳng hạn như hình ảnh, dấu hiệu, bài hát,... Các nhà nghiên cứu cũng có thể sử dụng các lý thuyết hàm ý khác để phân tích dữ liệu của mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Budianto, L., "The Conversational implicatures in two episodes of Desperate Housewives", *Linguistics*, 2007.
- [2] Denzin, N. K., & Lincoln, Y. S., *Handbook of Qualitative Research*, SAGE, California, 1994.
- [3] Grice, P. H., "Logic and Conversation", in P. Cole & J. Morgan (Editors), *Speech Acts, Syntax and Semantics*, Vol. 3, pp. 41-58, Academic Press, New York, 1975.
- [4] Kant, I., *Critique of Judgement*, Barnes & Noble Publishing, Inc., New York, 1970/2005.
- [5] Leacock, S., *Humour and Humanity An Introduction to the Study of Humour*, Thornton Butterworth, London, 1937.
- [6] Nezeke, J. B., and Derks, P., "Use of humor as a coping mechanism, psychological adjustment, and social interaction", *Humor - International Journal of Humor Research*, Vol. 14, No. 4, pp. 395-413, 2001.
- [7] Novitaningtyas, Savitri, R. W., "An Implicature Analysis on "The Funniest Joke in the World"", *Reader's Digest*, 2010.
- [8] Raskin, V., *Semantic mechanisms of humor*, D. Reidel, Dordrecht - Boston - Lancaster, 1985.
- [9] Schopenhauer, A., *The World as Will and Idea*. Vol. 1, Routledge, London, 1883.
- [10] Sidis, B., *The Psychology of Laughter*, D. Appleton and Company, New York and London, 1913.
- [11] <http://www.tienganh123.com>.